TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 03 - 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương và bà Nguyễn Thị Ngân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Trị.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 158/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Văn S, sinh năm 1980;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị;

Địa chỉ báo tin: P, đường N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Hà M, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số E đường H, TDP A Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 10 năm 2025 được bổ sung tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Văn S *trình bày:*

Anh và chị M tìm hiểu kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2019 tại UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là: UBND phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách trái ngược, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau, đã nhiều lần anh cố gắng khắc phục để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 09/2025 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng tôi xin được ly hôn chị M nhằm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Anh S, chị M có 01 con chung, cháu Đinh Lê Gia K, sinh ngày 12/11/2021, hiện đang sống cùng chị M.

Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, anh S tự nguyện giao con Đinh Lê Gia K cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn chị Lê Thị Hà M *trình bày:*

Chị nhất trí về quá trình tìm hiểu và kết hôn mà anh Đinh Văn S trình bày là đúng. Quá trình chung sống hai vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng còn có thể khắc phục được, nguyện vọng của chị vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Hiện tại, vợ chồng đang sống ly thân. Bản thân chị vẫn còn tình cảm với anh S, mong muốn anh S suy nghĩ lại. Trường hợp anh S và chị thoả thuận xong về tài sản chị sẽ đồng ý ly hôn, nên anh S xin ly hôn chị không nhất trí.

+ Về con chung: Anh S, chị M có 01 con chung, cháu Đinh Lê Gia K, sinh ngày 12/11/2021, hiện đang sống cùng chị M.

Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, chị M có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng và đề nghị anh S từ con vì anh S nói chị tự mình sinh chứ anh không mong muốn. Trường hợp chị nuôi con, chị yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Đinh Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị Hà M có địa chỉ tại nhà số E đường H, tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của . Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn S và chị Lê Thị Hà M lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của A, Chị là hợp pháp. Theo anh S tình bày: Quá trình sống chung, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, sau nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tình trạng vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai; anh S cho

rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng xin ly hôn chị M để ổn định cuộc sống. Chị M đồng ý vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái, chị không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cải vã, thiếu quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 09/2025 đến nay, không còn liên lạc, chăm sóc gì cho nhau. Chị M mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có động thái gì thể hiện nên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh Đinh Văn S và chị Lê Thị Hà M đã trầm trọng, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Văn S.

- Về quan hệ con chung: Anh Đinh Văn S và chị Lê Thị Hà M đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung, tên Đinh Lê Gia K, sinh ngày 12/11/2021. Anh S đồng ý giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/tháng. Chị M có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh S đóng góp tiền nuôi con chung hàng tháng là 5.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Đinh Lê Gia K sống với mẹ từ nhỏ, để bảo đảm ổn định chỗ ở, môi trường sống và nơi học tập của cháu chấp nhận sự tự nguyện của anh S về việc giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh S tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng, chị M yêu cầu 5.000.000 đồng. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 01/7/2024 quy định: "Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con." Căn cứ Nghị định 239/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 quy định mức lương tối thiểu vùng từ 01/01/2026, đối với phường Đ là nơi cháu Đinh Lê Gia K đang sinh sống, mức lương tối thiểu vùng là 4.730.000 đồng/tháng. Như vậy, căn cứ các quy định trên Hội đồng xét xử thấy cần buộc anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mức 2.500.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S khai vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngày 27/10/2025, chị M có đơn tạm hoãn ly hôn để giải quyết về tài sản của vợ chồng nhưng trong các biên bản hoà giải ngày 18/11/2025 và ngày 17/12/2025 chị M không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản. Ngày 19/01/2026, Toà án có yêu cầu chị M trình bày về tài sản chung của vợ chồng. Trong đơn trình bày ngày 23/01/2026, chị M trình bày hiện tại chưa có ý kiến xem xét về tài sản trong vụ án và cũng không giao nộp chứng cứ về tài sản. Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh S, chị M có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung có thể khởi kiện bằng một vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình khác.

[3] Về án phí: Anh Đinh Văn S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn S, xử cho anh Đinh Văn S được ly hôn chị Lê Thị Hà M.

2. Về quan hệ con chung:

Xử giao con chung Đinh Lê Gia K, sinh ngày 12/11/2021 cho chị Lê Thị Hà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đinh Văn S có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 03/2026 cho đến khi cháu Đinh Lê Gia K trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng mà anh S phải nộp được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai số BLTU/25E/0001053, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Số tiền án phí còn lại anh S phải nộp tiếp.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/3/2026).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang